

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:17 /2020/DS-PT
Ngày: 12 – 02 - 2020
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Trung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập
Bà Bùi Thị Phương Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 171/2019/TLPT-DS ngày 10 tháng 7 năm 2019 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 71/2019/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 182/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2019 giữa :

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1948

Trú tại: Ấp C, xã H, thành phố C, tỉnh C . (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trịnh Thanh Liệt - là Luật sư Văn Phòng luật sư Trịnh Thanh Liệt thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Anh Phùng Tiên Ph , sinh năm 1988

Trú tại: Ấp C, xã H, thành phố C, tỉnh C . (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thành phố Cà M; Trụ sở: Số 77 Ngô Quyền, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Hoàng V– Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cà M (vắng mặt).

2. Bà Trần Thị A, sinh năm 1955

Trú tại: Ấp B, xã H, thành phố C ., tỉnh Cà Mau (vắng mặt)

3. Bà Phạm Thị X, sinh năm 1962 (có mặt)

4. Chị Phùng Thị H (vắng mặt)

5. Ông Phùng Văn N (vắng mặt)

Cùng trú tại: Ấp C, xã H, thành phố C, tỉnh C ..

(Chị H, ông N ủy quyền cho anh Phùng Tiên Ph theo văn bản ủy quyền ngày 09/4/2019)

6. Chị Phùng Cẩm L (vắng mặt)

Trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

7. Anh Phùng Hoàng S (vắng mặt)

Trú tại: Ấp B, xã H, thành phố C., tỉnh Cà Mau.

8. Chị Phùng Thùy T2 (vắng mặt)

Trú tại: Khóm 6, phường 9, thành phố C., tỉnh Cà Mau.

(Chị L, anh S, chị T2 ủy quyền cho bà Trần Thị A theo văn bản ủy quyền ngày 09/4/2019).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn T1, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày:* Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ ông T1 tặng cho ông T1 vào năm 1980, ngày 05/9/1990 ông T1 được Ủy ban nhân dân thị xã Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 342124 thuộc thửa đất số 151, 152 tờ bản đồ số 07 với tổng diện tích là 23.350m² tọa lạc tại ấp Cái Nai, xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau. Phần đất trên ông T1 là người trực tiếp canh tác và quản lý, đất có các hướng tiếp giáp:

+ Hướng Đông giáp đất ông Phùng Văn Tư (nay là Trần Thị A) và Phùng Văn Việt (nay là Phùng Tiên Ph);

+ Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Hoàng Hùng;

+ Hướng Nam giáp đất ông Trần Xuân Việt, ông Mai Văn Quốc;

+ Hướng Bắc giáp sông Cái Nai Nhỏ.

Trước đây giữa phần đất ông T1 với phần đất anh Ph có đường mương chung làm ranh. Năm 2000 ông Phùng Văn Tư (là bác anh Ph) lấn ranh đất của ông T1, ông T1 có yêu cầu Ủy ban nhân xã Hòa Tân giải quyết nhưng ông Tư không đến, sau đó ông Tư giao phần đất trên lại cho anh Ph canh tác, anh Ph tiếp tục lấn ranh đất của ông T1, ông T1 tiếp tục yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân giải quyết, khi chưa giải quyết xong anh Ph thuê xáng cuốc hết phần bờ dừ, lấn qua hết mương chung lấp thành bờ vuông.

Ông T1 yêu cầu anh Ph trả lại cho ông T1 phần đất theo đo đạc thực tế ngày 25/10/2018 có diện tích 468m² tọa lạc tại ấp Cái Nai, xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, theo tờ bản đồ số 07, thuộc thửa 48, 82, 83, cụ thể:

Đất nuôi trồng thủy sản diện tích 137,7m² (chiều ngang 1,3m x chiều dài 187,25m).

Đất vườn có diện tích 330,3m²

Ngoài ra ông T1 không yêu cầu gì khác.

- Theo bị đơn anh Phùng Tiền Ph trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là đất của cụ Phùng Văn Chương tặng cho ông Phùng Văn Việt, năm 1993 ông Việt được Ủy ban nhân dân thị xã Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, loại giấy “Tắc đất tắt vàng”, phần đất có diện tích là 21.330m² có tứ cận tiếp giáp:

+ Hướng Đông giáp đất ông Phùng Văn Lý và Phùng Văn Tư (nay là Trần Thị A);

+ Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Văn T1;

+ Hướng Nam giáp đất Phùng Văn Tư (nay là Trần Thị A);

+ Hướng Bắc giáp sông Cái Nai Nhỏ.

Phần đất này trước đây ông Chương canh tác sau đó giao lại cho ông Việt, năm 1995 ông Việt chết nên cụ Chương tiếp tục canh tác. Năm 2000 gia đình anh Ph với gia đình ông Tư có thỏa thuận đổi 14.904m² đất để tiện canh tác, việc đổi đất không làm văn bản, đến năm 2007 anh Ph được gia đình giao lại phần đất trên để canh tác.

Khoảng năm 2016 ông T1 thuê xáng cuộc phần đất vuông và lấp con mương lấn sang phần đất của gia đình anh Ph, anh Ph can ngăn. Đến năm 2018 anh Ph thuê xáng cuộc phần đất vườn và đắp bờ, phần bờ anh Ph đắp trên bờ dừa và phần mương là đất của gia đình anh Ph, phần đất này nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Việt và một phần nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tư. Anh Ph xác định ranh đất giữa hai bên là đường thẳng từ mặt tiền đến mặt hậu. Phần đất tranh chấp hiện do anh Ph quản lý diện tích 330,3m², phần diện tích còn lại 137,7m² do ông Phùng Văn N quản lý. Anh Ph không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông T1.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Thị X trình bày: Bà X thống nhất với lời trình bày của anh Ph, không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra bà X xác định bà X với ông Việt có hai người con chung tên Phùng Tiền Ph và Phùng Thị H.

Bà Trần Thị A trình bày: Năm 2000 để thuận tiện cho việc canh tác nên ông Tư có hoán đổi đất với gia đình anh Ph một phần đất ruộng có diện tích 14.904m² thuộc thửa số 0155 tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp Cái Nai, xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau. Việc hoán đổi đất không lập thành văn bản, phần đất hoán đổi ông Tư vẫn còn đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2011 ông Tư chết, bà X với ông Tư có 03 người con tên Phùng Cẩm L, Phùng Thùy T2, Phùng Hoàng S. Bà A xác định, phần diện tích đất ông T1 yêu cầu anh Ph trả lại có một phần diện tích đất gia đình bà đã hoán đổi đất với gia đình anh Ph.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 71/2019/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T1 về việc buộc anh Phùng Tiền Ph và những người có liên quan trả lại cho ông T1 phần đất có diện tích 468m² (trong đó có 137,7m² đất nuôi trồng thủy hải sản, và 330.3m² đất vườn), tọa lạc tại ấp Cái Nai, xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau.

Phần đất có tứ cận:

- + Phía Đông giáp với đất của ông Nguyễn Văn T1;
- + Phía Tây giáp với đất ông Phùng Tiền Ph;
- + Phía Nam giáp với đất ông Mai Văn Quốc, Phùng Tiền Ph;
- + Phía Bắc giáp với sông Cái Nai Nhỏ.

(theo bản trích đo hiện trạng do Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau ký ngày 25/10/2018

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/6/2019 ông Nguyễn Văn T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T1.

Tại phiên tòa, Ông T1 là nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và thay đổi nội dung kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, buộc anh Ph trả cho ông T1 phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích $137,7m^2$, phần đất vườn $289,3m^2$ ($330,3m^2$ trừ đi diện tích lộ giao thông nông thôn $41m^2$).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đưa ra lý lẽ tranh luận đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T1.

Anh Ph, bà X tranh luận không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T1, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá trình giải quyết tranh chấp tại cấp sơ thẩm và tại đơn kháng cáo ông Nguyễn Văn T1 yêu cầu anh Phùng Tiền Ph trả lại phần đất vườn diện tích $330,3m^2$ và phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích $137,7m^2$. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T1 thay đổi yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, ông T1 yêu cầu anh Ph trả phần đất vườn diện tích $289,3m^2$ và đất nuôi trồng thủy sản diện tích $137,7m^2$. Việc ông T1 thay đổi nội dung khởi kiện, thay đổi yêu cầu kháng cáo được giới hạn bởi phạm vi giảm đi diện tích đất yêu cầu so với thời điểm khởi kiện, thời điểm kháng cáo, do đó yêu cầu này của ông T1 được chấp nhận để xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Ông T1 không thống nhất với bản án sơ thẩm tuyên về việc không chấp nhận yêu cầu của ông T1, nên ông T1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, buộc anh Ph và những người có liên quan trả lại phần đất tranh chấp có tổng diện tích $427m^2$ đất tọa lạc tại ấp Cái Nai, xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế có tổng diện tích $468m^2$ (trong đó có $137,7m^2$ đất nuôi trồng

thủy hải sản; 289,3m² đất vườn; 41m² đất lộ làm lộ xi măng), đất tọa lạc tại ấp Cái Nai, xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau. Đất tranh chấp có các hướng tiếp giáp:

+ Hướng Đông giáp đất ông Phùng Văn Tư (nay là bà Trần Thị A), Phùng Văn Việt (nay là Phùng Tiền Ph);

+ Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Văn T1;

+ Hướng Nam giáp đất ông Phùng Văn Việt (nay là Phùng Tiền Ph), ông Mai Văn Quốc;

+ Hướng Bắc giáp sông Cái Nai Nhỏ.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ xác định phần đất tranh chấp được chia làm hai phần gồm đất vườn và đất nuôi trồng thủy sản, trên đất tranh chấp chỉ có cây tạp không có giá trị.

[2.2] Xét về nguồn gốc đất của các bên đương sự thấy rằng: Phần đất ông T1 được Ủy ban nhân dân thị xã Cà Mau (nay là thành phố Cà Mau) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng vào ngày 05/9/1990 có nguồn gốc được cha mẹ tặng cho. Đối với phần đất anh Ph quản lý có nguồn gốc được cụ Chương tặng cho ông Việt và ông Tư. Ông Việt được Ủy ban nhân dân thị xã Cà Mau (nay là thành phố Cà Mau) cấp giấy tấp đất tấp vàng vào năm 1993, ông Tư được Ủy ban nhân dân thị xã Cà Mau (nay là thành phố Cà Mau) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998. Tại công văn số 611-CNVPĐKĐĐ ngày 09/12/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cà Mau xác định, thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các bên đương sự chỉ dựa theo bản đồ không ảnh, không đo đạc thực tế, độ chính xác không cao. Như vậy việc anh Ph dựa vào diện tích đất hiện tại các bên đang quản lý theo đo đạc thực tế, đối chiếu với diện tích đất thể hiện tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bên để cho rằng diện tích đất của anh Ph vẫn còn thiếu, từ đó cho rằng phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của anh Ph là chưa thuyết phục.

[2.3] Xét về quá trình quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp thấy rằng: Sau khi ông T1, ông Việt, ông Tư được cha mẹ tặng cho và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các ông là những người trực tiếp quản lý sử dụng đất, không có tranh chấp với nhau. Năm 2007 anh Ph quản lý canh tác phần đất ông Việt và phần hoán đổi đất với ông Tư, sau khi quản lý đến năm 2016 thì anh Ph với ông T1 phát sinh tranh chấp ranh đất.

[2.4] Đối với phần ranh đất thuộc phần đất nuôi trồng thủy sản tranh chấp có diện tích 137,7m² các bên đều xác định trước đây là một đường mương nước, qua xác minh những người hiểu biết sự việc xác định đường mương nước thuộc quyền sử dụng của ông T1, bởi lẽ năm 2007 ông T1 có lập hợp đồng cho ông Hạnh thuê đường mương này để sử dụng làm đường nước nuôi trồng thủy sản. Ông T1 xác định khi anh Ph thuê xáng lấp đường mương vào năm 2016 ông T1 có ngăn cản, ngược lại anh Ph không thừa nhận nhưng ông T1 không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh việc này. Qua xem xét thẩm định tại chỗ cũng không ghi nhận được hiện trạng có đường mương nước như ông T1 trình bày, do đó không có cơ sở kết luận phần ranh đất có tranh chấp thuộc phần đất nuôi trồng thủy sản anh Ph quản lý sử dụng là thuộc quyền sử dụng của ông T1, cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của ông T1 về việc buộc anh Ph giao trả phần đất nuôi trồng thủy sản tranh chấp có diện tích $137,7\text{m}^2$ tọa lạc tại ấp Cái Nai, xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau là có căn cứ.

[2.5] Đối với ranh đất thuộc phần đất vườn tranh chấp diện tích $330,3\text{m}^2$ trong đó có 41m^2 là đất làm lộ xi măng, nên ông T1 yêu cầu anh Ph trả diện tích còn lại $289,3\text{m}^2$, anh Ph không đồng ý vì cho rằng theo sơ đồ thửa đất chính lý năm 2009 thì ranh đất giữa các bên là đường thẳng, hơn nữa gia đình anh Ph đã quản lý phần đất này có thời gian đã trên 40 năm. Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo công văn số 611-CNVPĐKĐĐ ngày 09/12/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cà Mau, công văn số 2841/UBND-ĐĐ ngày 10/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Cà M và công văn số 210/TTKTCNQT-LT ngày 17/12/2019 của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau xác định, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T1 được Ủy ban nhân dân thị xã Cà Mau (nay là thành phố Cà Mau) thực hiện theo Quyết định số 1208/QĐ-UB ngày 05/9/1990; cấp quyền sử dụng đất cho ông Tư theo Quyết định số 1135/QĐ-UB ngày 22/8/1997 về việc giao đất; đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạt đất tạt vàng của ông Việt không thể hiện sơ đồ vị trí thửa đất. Như vậy theo sơ đồ vị trí thửa đất được thành lập năm 1990 thể hiện phần đất vườn tiếp giáp giữa ông T1 với ông Việt không phải đường thẳng từ tiền đến hậu, và theo xác nhận của nhiều người dân sinh sống lâu năm tại địa phương, nhiều người dân có đất gần nơi phần đất tranh chấp đã xác nhận phần đất vườn hiện ông T1 với anh Ph tranh chấp trước đây do ông T1 quản lý sử dụng, ranh đất giữa các bên cũng không phải là đường thẳng, do đó xét thấy việc anh Ph căn cứ vào sơ đồ vị trí thửa đất chính lý 2009 để cho rằng ranh đất là một đường thẳng từ tiền đến hậu gia đình anh đã quản lý trên 40 năm là chưa thuyết phục. Do đó cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu của ông T1 về việc khởi kiện yêu cầu anh Ph trả lại diện tích đất vườn có tranh chấp theo đo đạc thực tế $289,3\text{m}^2$ là chưa phù hợp.

[3] Từ căn cứ như đã phân tích nhận trên, cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông T1. Sửa án sơ thẩm đối với phần yêu cầu yêu cầu khởi kiện của ông T1 về việc buộc anh Ph trả lại cho ông T1 phần diện tích đất vườn $289,3\text{m}^2$ tọa lạc tại ấp Cái Nai, xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau chưa được phù hợp nên không được chấp nhận.

[4] Chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn T1 đã dự nộp số tiền 17.990.000 đồng. Ông Nguyễn Văn T1 tự chịu 6.869.000 đồng tương đương với phần diện tích đất yêu cầu anh Ph trả lại không được chấp nhận. Số tiền còn lại 11.121.000 đồng anh Ph có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông T1 tương đương với phần diện tích đất ông T1 yêu cầu được chấp nhận.

[4] Án phí

[4.1] Án phí sơ thẩm:

Do chấp nhận yêu cầu của ông T1 về việc buộc anh Ph trả lại cho ông T1 phần diện tích đất vườn $289,3\text{m}^2$ nên anh Ph phải chịu án phí số tiền là $289,3\text{m}^2 \times 420.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 5\% = 6.075.000$ đồng.

Ông T1 chịu án phí đối với diện tích đất 137,7m² yêu cầu anh Ph trả không được chấp nhận. Tuy nhiên do ông T1 là người cao tuổi nên ông T1 được miễn theo quy định.

[4.2] Án phí phúc thẩm ông Nguyễn Văn T1 không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 71/2019/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T1.

Buộc anh Phùng Tiền Ph, bà Phạm Thị X, chị Phùng Thị H trả lại cho ông Nguyễn Văn T1 phần đất vườn có diện tích 289,3m² tọa lạc tại ấp Cái Nai, xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, được giới hạn bởi các điểm M3M4M5M6M7M8M9M14 không bao gồm diện tích 41m² đất làm lộ xi măng, theo sơ đồ bản vẽ ngày 03/01/2020 của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau.

(Có kèm theo sơ đồ bản vẽ ngày 03/01/2020 của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau)

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T1 về việc buộc anh Phùng Tiền Ph và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả lại phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 137,7m² tọa lạc tại ấp Cái Nai, xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau.

Chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn T1 tự chịu chi phí tố tụng số tiền 6.869.000 đồng (đã nộp xong).

Anh Phùng Tiền Ph có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn T1 số tiền 11.121.000 đồng.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Phùng Tiền Ph không thanh toán xong khoản tiền nêu trên thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phùng Tiền Ph phải chịu án phí số tiền 6.075.000 đồng (chưa nộp). Ông Nguyễn Văn T1 được miễn chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông T1 đã nộp số tiền 375.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai thu số 0001211 ngày 16/8/2018 được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Văn T1 không phải chịu, đã được miễn dự nộp án phí phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Trung